TỔNG CÔNG TY
CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM-CTCP
CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ
TÂN SƠN NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 05 năm 2024

THÔNG BÁO MỜI CHÀO GIÁ

Về việc: **"Sửa chữa thay thế 02 máy điều hòa nhiệt độ trạm điện ST2, ST3 ga Quốc tế"**

Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất - Chi nhánh Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP tổ chức mời chào giá rộng rãi hạng mục "Sửa chữa thay thế 02 máy điều hòa nhiệt độ trạm điện ST2, ST3 ga Quốc tế".

Đề nghị các cơ quan, đơn vị quan tâm nghiên cứu và gửi Hồ sơ chào giá theo các yêu cầu sau đây:

Yêu cầu về hồ sơ chào giá:

- **Yêu cầu đối với hàng hóa:**

Stt	Tên, quy cách hàng hóa, hiệu suất năng lượng, dịch vụ	Đvt	Số lượng
1	Máy điều hòa nhiệt độ tủ đứng nối ống gió, loại inverter: - Công suất lạnh 99.000Btu/h (28,9 kW) - Điện áp dàn lạnh: 3 pha 380-415V, 50Hz - Điện áp dàn nóng: 3 pha 380-415V, 50Hz - Sử dụng môi chất lạnh: R410A - Lưu lượng gió dàn lạnh : 80 m3/phút. - Model: FVPR250QY1 / RZUR250QY1, nhãn hiệu Daikin (hoặc tương đương) (Bao gồm chi phí vận chuyển đến vị trí lắp đặt: trạm điện ST2, ST3 tầng trệt ga Quốc tế)	bộ	2
2	Gas R410A(Chemours EU 11.35kg/bình)	bình	1
3	Ống cách nhiệt ID22.2x25mmx2m (loại không xẻ rãnh, hiệu Thermobreak LS Sekisui hoặc tương đương)	ống	40
4	Ống cách nhiệt ID9.5x25mmx2m (loại không xẻ rãnh, hiệu Thermobreak LS Sekisui hoặc tương đương)	ống	40
5	Ống cách nhiệt ID48.3x10mmx2m (loại không xẻ rãnh, hiệu Thermobreak LS Sekisui hoặc tương đương)	ống	9
6	Băng keo nhôm 50m x50mm (hiệu Thermobreak LS Sekisui hoặc tương đương)	cuộn	6
7	Keo dán cách nhiệt Aeroseal (700gram/lon)	lon	2

8	Ống đồng 9.52x1.02x15m (15m/cuộn, hiệu LHCT) - hoặc tương đương	mét	90
9	Ống đồng 22.2x1.02x2.9m (2.9m/cây, hiệu Hailiang) - hoặc tương đương	cây	28
10	Co ống đồng Ø9.5mm dày 0.8mm	cái	10
11	Co ống đồng Ø22.2mm dày 1mm	cái	25
12	Nối ống đồng Ø9.5mm dày 0.8mm (nối hàn)	cái	4
13	Nối ống đồng Ø22.2mm dày 1mm (nối hàn)	cái	10
14	Khớp nối ống đồng Loflink 3/8" + ống lót (hoặc Suhring), loại không hàn	cái	6
15	Khớp nối ống đồng Loflink 7/8"mm + ống lót (hoặc Suhring), loại không hàn	cái	30
16	Ống nhựa uPVC Ø49mm (4mét/cây, Bình Minh hoặc tương đương)	mét	20
17	Nối nhựa uPVC Ø49D (Bình Minh hoặc tương đương)	cái	5
18	Co nhựa 90 độ uPVC Ø49D (Bình Minh hoặc tương đương)	cái	4
19	Co nhựa 45 độ uPVC Ø49D (Bình Minh hoặc tương đương)	cái	25
20	Tê nhựa 45 độ uPVC Ø49D (Bình Minh hoặc tương đương)	cái	4
21	Keo dán ống nhựa (200gr/lon, Bình Minh hoặc tương đương)	lon	2
22	Khởi thủy nhựa uPVC Ø168/60D (Bình Minh hoặc tương đương)	cái	3
23	Nối giảm nhựa uPVC Ø60/49D (Bình Minh hoặc tương đương)	cái	3
24	Nối giảm nhựa uPVC Ø49/34D (Bình Minh hoặc tương đương)	cái	2
25	Nối ren ngoài nhựa uPVC Ø34D (Bình Minh hoặc tương đương)	cái	2
26	Máng tôn tráng kẽm dày 1.15mm, kích thước 200x100mm (bao gồm nắp, nối máng, bu lông nối máng)	mét	32
27	Co ngang tôn tráng kẽm dày 1.15mm, kích thước 200x100mm (bao gồm nắp và nối)	cái	4
28	Co lên bằng tôn tráng kẽm dày 1.15mm, kích thước 200x100mm (kèm nắp và nối)	cái	6
29	Máng tôn hứng nước xả bằng tôn tráng kẽm dày 1.15mm, kích thước (LxWxH): 1400x750x100mm	cái	2
30	Bệ bê tông cốt thép - Kích thước 1200x1000x150mm. - Sắt Φ6 mm x □150 (bao gồm chi phí vận chuyển đến vị trí lắp đặt tầng trệt ga Quốc tế)	cái	2

31	Thép đúc U đen U65x35x3,0mm (3mét/cây)	cây	7
32	Sắt V50x50x5mm (mạ kẽm-3m/cây)	cây	2
33	Sắt V40x40x4mm (mạ kẽm-3m/cây)	cây	7
34	Sắt U đục lỗ 41Wx41H (mạ kẽm-3m/cây)	cây	4
35	Bản mã sắt, kích thước 100x100x5mm	cái	16
36	Que hàn sắt KOBE-16, 2.6x350mm (2,5kg/hộp)	hộp	2
37	Ty treo ren suốt M10 (2mét/cây)	cây	10
38	Cùm treo ống Ø76	cái	8
39	Cùm treo ống Ø60	cái	8
40	Kẹp Omega Inox Ø76	cái	30
41	Kẹp Omega Inox Ø60	cái	20
42	Gas mini Inox Namilux (250g/lon)	lon	10
43	Tắc kê đạn M10 (50con/hộp)	hộp	2
44	Đai ốc M10 (tán M10, 100cái/bịch)	bịch	2
45	Vòng đệm M10 dày 2mm (100cái/bịch)	bịch	2
46	Bu lông mạ kẽm M10x60mm (100cái/bịch)	bịch	1
47	Đai ốc M8 (tán M8, 100cái/bịch)	bịch	1
48	Vòng đệm M8 dày 2mm (100cái/bịch)	bịch	2
49	Bu lông mạ kẽm M8x40mm (100cái/bịch)	bịch	1
50	Tắc kê sắt M8 (tắc kê rút)	cái	100
51	Ống gió bằng tôn tráng kẽm dày 0.75mm, kích thước 820x300, L700, 1 đầu để trống, 1 đầu nối bích TDC	cái	2
52	Ống gió bằng tôn tráng kẽm dày 0.75mm, kích thước 820x300, L1000, 2 đầu nối bích TDC	cái	3
53	Ống gió bằng tôn tráng kẽm dày 0.75mm, kích thước 820x300, L400, 2 đầu nối bích TDC	cái	2
54	Co ống gió bằng tôn tráng kẽm dày 0.75mm, kích thước 820x300, R400, 2 đầu nối bích TDC (chi tiết theo bản vẽ)	cái	2
55	Hộp gió bằng tôn tráng kẽm dày 0.75mm, kích thước 1200x500, L500 gồm: 4 cổ tròn kích thước ∅300mm, 1 cổ kích thước 820x300 nối bích TDC (chi tiết theo bản vẽ)	cái	2
56	Hộp gió bằng tôn tráng kẽm dày 0.75mm, kích thước 450x450mm, L450: 1 mặt để trống, 1 mặt gắn cổ tròn kích thước ∅300mm	cái	8

57	Van chỉnh gió loại OBD (Oppsed Blade Damper), kích thước: 450x450, L75mm, sơn màu đen. Vật liệu nhôm dày 1mm, sơn tĩnh điện màu đen.	cái	8
58	Miệng gió cấp nan đôi (Double Supply Air Grille), kích thước khung 500x500, kích thước cổ 450x450, vật liệu nhôm dày 1mm, sơn tĩnh điện màu trắng.	cái	8
59	Ống gió tròn xoắn bằng tôn tráng kẽm dày 0.75mm, kích thước D300 (3 mét/ống)	mét	24
60	Co ống gió tròn xoắn bằng tôn tráng kẽm dày 0.75mm, kích thước D300	cái	4
61	Ống gió mềm nhôm bảo ôn 4P x D300 (Deahan - 10 mét/ống)	ống	2
62	Cổ dê Inox D300	cái	15
63	Cùm treo ống gió bằng Inox, D350	cái	25
64	Silicon Apollo A300	tuýp	10
65	Cách nhiệt Thermobreak LS/Foil/G60 Sekisui 20mm x 1.2m x 20m (24m2/cuộn)	cuộn	2
66	Ron ống gió Duct seal Sekisui 5mm x25mm x 10m (10mét/cuộn)	cuộn	2
67	Keo Sikaflex PRO-3 (600ml)	cây	6
68	Găng tay bảo hộ phủ hạt nhựa	đôi	20
69	Sơn mạ kẽm ZRC (2,7kg/lon)	lon	1
70	Vít cấy đuôi cá 4.2x13 Patta (1000con/bịch)	bịch	1
71	Tắc kê nhựa số 5 + vít răng suốt M5x30 (100con/bịch)	bịch	2
72	SikaGrout GP (25kg/bao)	bao	2
73	Bộ Ngắt Mạch Tự Động NSXm100B 25kA AC 3P 100A TMD ELINK -C11B3TM100L-Schneider	cái	2
74	MCB 3P 32A 6kA - Schneider	cái	2
75	MCB 3P 10A 6kA - Schneider	cái	2
76	RCCB 4P 63A 30mA - Schneider	cái	2
77	Cáp CVV-4x10mm² - Cadivi	mét	116
78	Cáp CV-10mm² - Cadivi (sọc vàng xanh)	mét	116
79	Cáp CVV-4x2.5mm² - Cadivi	mét	46
80	Cáp CV-2.5mm² - Cadivi (sọc vàng xanh)	mét	46
81	Cáp CVV-3x2.5mm² - Cadivi	mét	130

82	Cáp CVm-35mm² - Cadivi	mét	12
83	Ống thép trơn E39 (3.66 mét/cây) - Cát Vạn Lợi	cây	8
84	Khớp nối thẳng E39- Cát Vạn Lợi (MCE39)	cái	14
85	Đầu nối E39 - Cát Vạn Lợi (DNE39)	cái	12
86	Kẹp giữ ống loại có đế E39 - Cát Vạn Lợi (K039)	cái	20
87	Kẹp treo ty và ống (PTO39) – Cát Vạn Lợi	cái	10
88	Đầu nối ống mềm E39 với hộp điện (DNCK114) - Cát Vạn Lợi	cái	12
89	Đầu nối ống mềm E39 với ống thép (DNCE39) - Cát vạn lợi	cái	12
90	Ống mềm luồn dây điện có bọc nhựa E39 - Cát Vạn Lợi (25mét/cuộn)	mét	25
91	Ống thép trơn E25 (3.66 mét/cây) - Cát Vạn Lợi	cây	4
92	Khớp nối thẳng E25- Cát Vạn Lợi (MCE25)	cái	8
93	Đầu nối E25 - Cát Vạn Lợi (DNE25)	cái	12
94	Kẹp giữ ống loại có đế E25 - Cát Vạn Lợi (K025)	cái	10
95	Kẹp treo ty và ống (PTO25) – Cát Vạn Lợi	cái	6
96	Đầu nối ống mềm E25 với hộp điện (DNCK34) - Cát Vạn Lợi	cái	8
97	Đầu nối ống mềm E25 với ống thép (DNCE25) - Cát vạn lợi	cái	8
98	Ống mềm luồn dây điện có bọc nhựa E25 - Cát Vạn Lợi	mét	10
99	Ống thép trơn E19 (3.66 mét/cây) - Cát Vạn Lợi	cây	12
100	Khớp nối thẳng E19- Cát Vạn Lợi (MCE19)	cái	16
101	Đầu nối E19 - Cát Vạn Lợi (DNE19)	cái	24
102	Kẹp giữ ống loại có đế E19 - Cát Vạn Lợi (K019)	cái	20
103	Kẹp treo ty và ống (PTO19) – Cát Vạn Lợi	cái	12
104	Đầu nối ống mềm E19 với hộp điện (DNCK12) - Cát Vạn Lợi	cái	16
105	Đầu nối ống mềm E19 với ống thép (DNCE19) - Cát vạn lợi	cái	16
106	Ống mềm luồn dây điện có bọc nhựa E19 - Cát Vạn Lợi	mét	20
107	Đầu cosse đúc 35mm² - M8	cái	24
108	Bọc đầu cosse 35mm² (4 màu: đỏ, vàng, xanh, đen,)	cái	24
109	Đầu cosse 10mm² có bọc nhựa (100 cái /bịch)	bịch	1

110	Đầu cosse pin rỗng (đầu cosse through) 10mm² có bọc nhựa (100 cái /bịch)	bịch	1
111	Đầu cosse chỉa 4mm² có bọc nhựa (100 cái /bịch)	bịch	1
112	Đầu cosse pin rỗng (đầu cosse through) 4mm² có bọc nhựa (100 cái /bịch)	bịch	1
113	Đầu cosse chỉa 2.5mm² có bọc nhựa (100 cái /bịch)	bịch	1
114	Mũi khoét sắt D19 - JMG	cái	1
115	Mũi khoét sắt D25 - JMG	cái	1
116	Mũi khoét sắt D39 - JMG	cái	1
117	Băng keo điện Temflex Plus - 3M	cuộn	6
118	Tắc kê nhựa số 5 + vít răng suốt M5x30 (100con/bịch)	bịch	1
119	Đai ốc M10 + Vòng đệm -Cát Vạn Lợi	bộ	20
120	Ty ren M10 loại 2m/cây - Cát Vạn Lợi	mét	10
121	Tắc kê đạn M10 (TK10) - Cát Vạn Lợi	cái	20

- Yêu cầu về kỹ thuật:

✓ **Yêu cầu kỹ thuật chung:**

+ Hàng hóa đáp ứng thông số kỹ thuật theo yêu cầu, nếu chào loại tương đương thì phải là loại có đặc tính kỹ thuật tương tự, có tính năng sử dụng tương đương và kèm tài liệu kỹ thuật chứng minh.
+ Thiết bị mới 100%, sản xuất năm 2022 trở về sau.
+ Có chứng chỉ xuất xứ (CO) và chứng nhận chất lượng (CQ) đối với máy lạnh nhập khẩu.
+ Thời gian bảo hành: Bảo hành chính hãng 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu hàng hóa.

✓ **Yêu cầu kỹ thuật chi tiết:**

a) Thiết bị máy điều hòa nhiệt độ.

STT	Tính năng thiết bị	Yêu cầu chi tiết
1.	Công suất lạnh	≥ 99.000 Btu/h
2.	Chủng loại	Tủ đứng công nghiệp nối ống gió, sử dụng công nghệ inverter
3.	Điện áp	Dàn nóng 3 Pha, 380÷415V, 50Hz Dàn lạnh 3 Pha, 380÷415V, 50Hz

4.	Cấp nguồn	Dàn nóng, dàn lạnh sử dụng 2 nguồn riêng
5.	Kích thước dàn lạnh (HxWXD)	≤ 1740x1170x510 mm
6.	Lưu lượng gió dàn lạnh	≥ 80 m^3/phút
7.	Áp suất tĩnh quạt dàn lạnh	≥ 147 Pa
8.	Độ ồn dàn lạnh	≤ 61 dB(A)
9.	Độ ồn dàn nóng	≤ 57 dB(A)
10.	Công suất điện máy nén	≤ 4,5 kW
11.	Công suất điện quạt dàn nóng	≤ 0,55 kW
12.	Lưu lượng gió dàn nóng	≥ 178 m^3/phút
13.	Chiều dài đường ống gas tối đa	≥ 70m (chiều dài tương đương 90m)
14.	Chênh lệch độ cao dàn nóng – dàn lạnh	≥ 50m
15.	Đường ống gas lỏng	9.5 mm
16.	Đường ống gas hơi	22.2 mm
17.	Môi chất lạnh	R410A

b) Yêu cầu về đặc tính kỹ thuật của hệ thống ống dẫn môi chất lạnh.

STT	Tính năng thiết bị	Yêu cầu chi tiết
1.	Vật liệu	Đồng
2.	Độ dày: + Ống đường kính 9.5mm + Ống đường kính 22.2mm	 ≥ 1 mm ≥ 1 mm

c) Yêu cầu về đặc tính kỹ thuật của ống cách nhiệt.

STT	Tính năng thiết bị	Yêu cầu chi tiết

1.	Độ dày cách nhiệt đường ống dẫn môi chất lạnh	25mm
2.	Tỷ trọng cách nhiệt	≥ 25 kg/m3
3.	Độ dẫn nhiệt	≤ 0.032 W/m.K ở 23^0C
4.	Vật liệu	Physically crosslinked close cell polyolefin foam, bề mặt cách nhiệt có lớp nhôm lưới tăng cứng.

d) Các vật tư phụ khác (ty treo, sắt U, sắt V ...): Đúng quy cách mã số, vật tư yêu cầu.

e) Các hệ điều khiển và vật tư điện nguồn: Đúng quy cách mã số, vật tư yêu cầu.

- Số lượng bảng chào giá: 01 bản chính và 02 bản chụp.
- Thời gian, địa điểm giao hàng: 06 tuần kể từ ngày hai bên ký kết hợp đồng; giao tại kho Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất.
- Giá chào: Đề nghị chào giá trọn gói, đã bao gồm toàn bộ chi phí, thuế GTGT. Đồng tiền chào giá, thanh toán: VNĐ.
- Thanh toán: Đề nghị chào giá chi tiết phương thức thanh toán. Điều kiện tạm ứng không chấp nhận > 20% giá trị hợp đồng.
- Hiệu lực hồ sơ chào giá: 45 ngày kể từ ngày 29/05/2024.
- Hồ sơ chào giá phải được ký bởi đại diện có thẩm quyền cơ quan, đơn vị và đóng dấu.

Thời hạn, địa điểm gửi hồ sơ chào giá:

Thời hạn gửi hồ sơ chào giá: trước 10 giờ 00 ngày 29/05/2024.

- Phương thức gửi hồ sơ chào giá: gửi trực tiếp/bưu điện theo địa chỉ nhận hồ sơ chào giá.
- Địa điểm nhận hồ sơ chào giá:
  + Địa chỉ: Phòng Kế hoạch - Đầu tư (P.119) - Văn phòng Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh.

Thông tin liên hệ:

- Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất - Chi nhánh Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP
- Phòng Kế hoạch - Đầu tư (P.119)
- Tel: 083.8485.383 - Ext: 3403
- Người liên hệ: Ms Hải Vân.

Yêu cầu đối với nhà cung cấp:

- Có đăng ký doanh nghiệp/đăng ký hoạt động hợp pháp.
- Không đang tranh chấp, khiếu kiện, xung đột quyền lợi với Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP.

Đại diện hợp pháp của chủ đầu tư

GIÁM ĐỐC

CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ TÂN SƠN NHẤT - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP

M.S.C.N: 0311638525 - C.T.C.P - Q. TÂN BÌNH - TP. HỒ CHÍ MINH

Đặng Ngọc Cường

BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: _____*[Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]*

Tên hạng mục mua sắm: _____ *[Ghi tên hạng mục mua sắm theo thông báo mời chào giá]*

Kính gửi: Cảng hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số ____ *[Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)]* mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ *[Ghi tên nhà cung cấp],* cam kết thực hiện hạng mục mua sắm ____ *[Ghi tên hạng mục mua sắm]* theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là ____ *[Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]* cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là ____ *[Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của hạng mục mua sắm].*

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà cung cấp chính.

2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong quá trình chào hàng.

4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong khi tham dự hạng mục này.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện cung cấp hàng hóa theo quy định của bản yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày, kể từ ngày ____ *[Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm nộp hồ sơ chào giá].*

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 02a

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

STT	Nội dung	Giá chào
1	Hàng hoá	(M)
2	Dịch vụ liên quan	(I)
Tổng cộng giá chào *(Kết chuyển sang đơn chào hàng)*		**(M) + (I)**

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 02b

BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA

1	2	3	4	5	6	7
STT	**Danh mục hàng hóa**	**Đơn vị tính**	**Khối lượng**	**Xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm**	**Đơn giá**	**Thành tiền** (Cột 4x6)
1	*Hàng hoá thứ 1*					*M1*
2	*Hàng hoá thứ 2*					*M2*
	....					
n	*Hàng hoá thứ n*					*Mn*
Tổng cộng giá chào của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) *(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)*						**M=M1+M2+…+Mn**

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

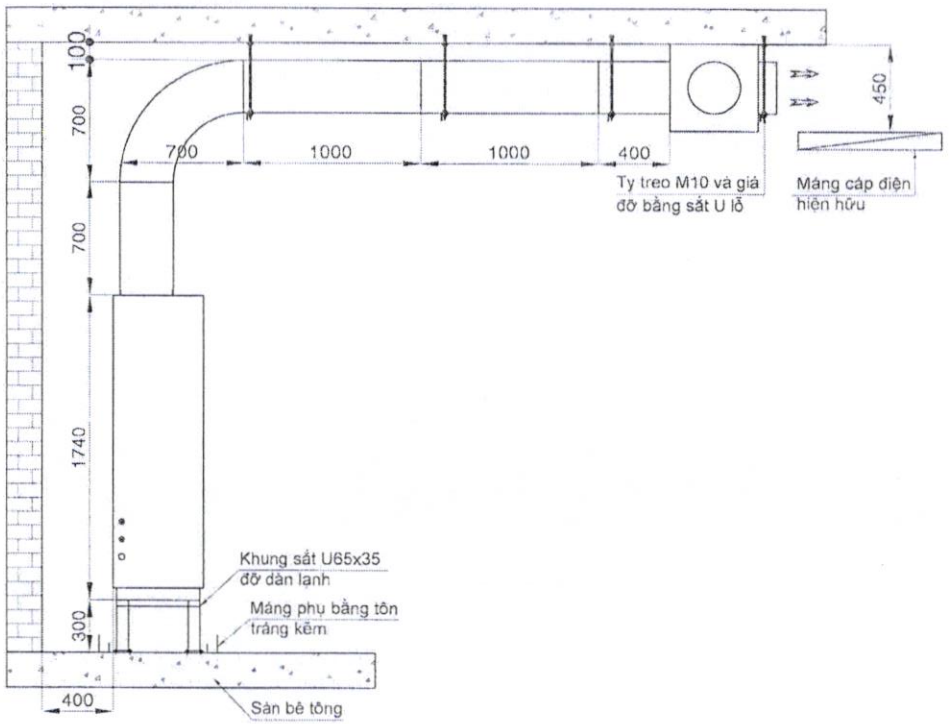

CHI TIẾT LẮP ĐẶT DÀN LẠNH

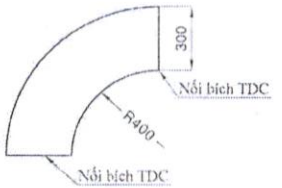

CO ỐNG GIÓ KT 820X300

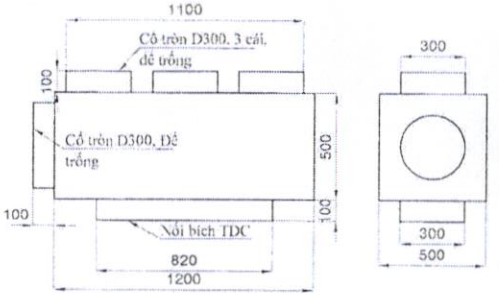

KÍCH THƯỚC HỘP GIÓ

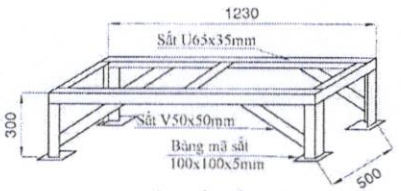

CHI TIẾT CHÂN DÀN LẠNH

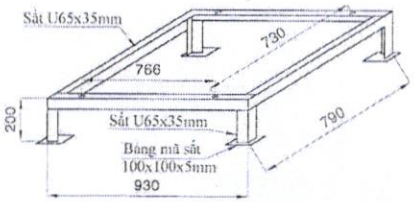

CHI TIẾT CHÂN DÀN NÓNG

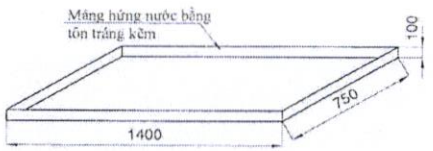

CHI TIẾT MÁNG HỨNG NƯỚC PHỤ

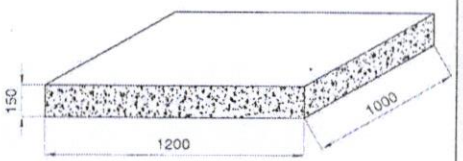

CHI TIẾT BỆ BÊ TÔNG

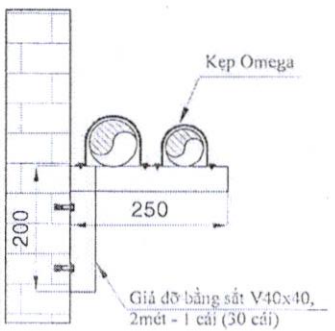

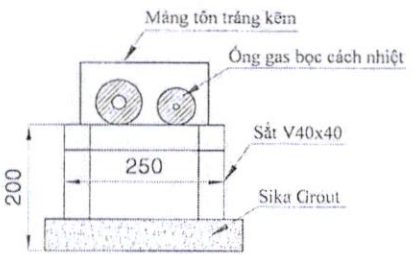

Giá đỡ máng tôn (6 cái)

CHI TIẾT GIÁ ĐỠ ỐNG GAS VÀ MÁNG TÔN

HẠNG MỤC: SỬA CHỮA THAY THẾ MÁY ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TRẠM ĐIỆN ST2, ST3 GA QUỐC TẾ				
BẢN VẼ THI CÔNG: CHI TIẾT LẮP ĐẶT				
T.T KHAI THÁC GA TSN	ĐỘI ĐIỆN CÔNG NGHIỆP	ĐỘI ĐIỆN LẠNH	VẼ	Ngày: 22/3/24
HUỲNH VIỆT LONG	Trần Ngọc Tiến	N. NGỌC SƠN QUÂN	CAO XUÂN KHÁNH	Bản Vẽ số: 3/3